TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 25-8-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Ức, ông Nguyễn Châu Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cà Thị Giang- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2026/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản L, xã C, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vì Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản L, xã C, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ch (trước là xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2026 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2026 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Lò Thị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Vì Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022.

Chị Yến có nơi cư trú ổn định, trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê thêm, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Chị Yến đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vì Lan T và cháu Vì Hương L, kể từ khi sống ly thân hai cháu Vì Lan T và cháu Vì Hương L ở với chị Yến.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Y không yêu cầu anh Vì Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị Y cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Vì Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vì Văn L và chị Lò Thị Y kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ch (trước là xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2026 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh nhất trí ly hôn với chị Lò Thị Y.

Về con chung: Anh Vì Văn L và chị Lò Thị Y có 02 (hai) con chung là cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022.

Anh Vì Văn L nhất trí để chị Yến trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vì Lan T và cháu Vì Hương L. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Vì Lan T và cháu Vì Hương L sống cùng với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vì Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Vì Văn L cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2026: Tại Bản L, xã C, tỉnh Sơn La. Anh Vì Văn L và chị Lò Thị Y có hộ khẩu thường trú tại Bản L, xã C, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Ch, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn cụ thể không nắm được. Hiện tại anh Vì Văn L và chị Lò Thị Y đã sống ly thân. Anh Vì Văn L và chị Lò Thị Y có 02 (hai) con chung là cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022, các cháu đều ở với chị Yến từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Chị Lò Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Yến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Vì Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Lá giữ nguyên yêu cầu ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Vì Lan T có nguyện vọng là ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Y được ly hôn anh Vì Văn L.

Về con chung: Giao cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Lò Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vì Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Yến không yêu cầu anh Lá phải cấp dưỡng nuôi con).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị Y, anh Vì Văn L cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lò Thị Y yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Vì Văn L có địa chỉ tại Bản L, xã C, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị Y, bị đơn anh Vì Văn L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ch (trước là xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2026 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2026 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Yến cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Vì Văn L, anh Vì Văn L nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Yến và anh Lá lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị Y được ly hôn anh Vì Văn L. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L đều có ý kiến đề nghị giao hai cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Lò Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Vì Lan T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Chị Lò Thị Y và anh Vì Văn L đều có nơi cư trú rõ ràng. Chị Lò Thị Y trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê thêm, có thu nhập ổn định. Chị Lò Thị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vì Lan T và cháu Vì Hương L từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của chị Yến và anh Lá, nguyện vọng của cháu Vì Lan T có nguyện vọng muốn ở với chị Yến.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Lò Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vì Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Vì Văn L thu nhập bấp bênh, chị Yến không yêu cầu anh Lá phải cấp dưỡng nuôi con).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị Y, anh Vì Văn L cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị Y có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị Y là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Lò Thị Y đối với anh Vì Văn L.

Xử cho chị Lò Thị Y được ly hôn anh Vì Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Lan T, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Vì Hương L, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Lò Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vì Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Yến không yêu cầu anh Lá phải cấp dưỡng nuôi con).

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị Y, anh Vì Văn L cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị Y.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Y, anh Vì Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã Ch, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng